

KẾ HOẠCH

Nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (Par Index) tỉnh Điện Biên năm 2018

Chỉ số cải cách hành chính (Par Index) được xác định hàng năm nhằm theo dõi, đánh giá thực chất, khách quan, công bằng trên cơ sở lượng hóa kết quả triển khai cải cách hành chính (CCHC) hàng năm của tỉnh trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 của Chính phủ. Thông qua Chỉ số CCHC xác định được những mặt mạnh và hạn chế trong thực hiện công tác CCHC giúp UBND tỉnh điều chỉnh về mục tiêu, nội dung, giải pháp trong việc thực hiện kế hoạch CCHC hàng năm, góp phần nâng cao hiệu quả công tác CCHC, xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả.

Với sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban chỉ đạo CCHC tỉnh và sự cố gắng, tích cực của các cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC, năm 2017 điểm xác định Chỉ số CCHC của tỉnh đạt thứ hạng khá cao (xếp vị trí 24/63, tăng 18 bậc so với năm 2016, tăng 39 bậc so với năm 2015).

Trên cơ sở Quyết định số 2948/QĐ-BNV ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” và Văn bản số 464/BNV-CCHC ngày 30/01/2018 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh. Nhằm duy trì kết quả đã đạt được và tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công tác CCHC, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch nâng cao Chỉ số CCHC tỉnh Điện Biên năm 2018, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Hoàn thành mục tiêu của Kế hoạch CCHC giai đoạn 2016-2020 của UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 11/3/2016; Kế hoạch số 3790/KH-UBND ngày 27/12/2017 kế hoạch cải cách hành chính năm 2018 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nội dung của Chỉ số CCHC tỉnh. Giữ và tăng dần vị trí xếp hạng điểm xác định Chỉ số CCHC của tỉnh năm 2018; phát huy, duy trì điểm tối đa các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần đã đạt được; phấn đấu, cải thiện để đạt điểm và điểm tối đa các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt được điểm tối đa hoặc chưa đạt điểm.

2. Yêu cầu

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả việc cải thiện, nâng cao Chỉ số CCHC của tỉnh là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị, trong đó chủ thể chính là các cơ quan hành chính nhà nước các cấp của tỉnh.

- Xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, thời gian thực hiện của từng tiêu chí phải đạt được hàng năm của từng cơ quan, đơn vị; phát huy những mặt mạnh đã đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế nhằm cải thiện và giữ bền vững từng chỉ số thành phần trong việc xác định Chỉ số CCHC của tỉnh.

- Triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch nâng cao Chỉ số CCHC đồng bộ ở tất cả các ngành, các cấp từ tỉnh đến cơ sở; các sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ CCHC tại cơ quan và triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ CCHC theo chuyên ngành quản lý trên địa bàn tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ CCHC tại đơn vị và triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất và hiệu quả các nhiệm vụ CCHC tại tất cả các xã, phường, thị trấn trực thuộc.

II. NỘI DUNG

1. Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính

- Triển khai thực hiện kịp thời, đầy đủ các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

- Ban hành kịp thời Kế hoạch CCHC hằng năm, các Kế hoạch triển khai nội dung, lĩnh vực CCHC và tổ chức thực hiện, hoàn thành 100% nội dung các Kế hoạch đã đề ra; ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả; thực hiện chế độ báo cáo đủ số lượng và đúng thời gian theo quy định của Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành có liên quan.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về CCHC bằng nhiều hình thức: Tổ chức các hội nghị, tập huấn chuyên đề CCHC; Đăng tải thông tin CCHC trên website của tỉnh; tuyên truyền CCHC trên Đài phát thanh - Truyền hình của tỉnh; tổ chức cuộc thi tìm hiểu về CCHC; tọa đàm về CCHC, sân khấu hóa hoặc các hình thức tuyên truyền mới, sáng tạo khác... nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân và tổ chức về CCHC.

- Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai thực hiện của các cơ quan nhà nước các cấp. Kế hoạch kiểm tra CCHC phải được triển khai thực hiện đảm bảo trên 30% số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra trong năm so với tổng số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện; kịp thời xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra.

- Hàng năm có ít nhất 02 đề tài sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính đáp ứng được các yêu cầu: Được UBND tỉnh phê duyệt hoặc được Trung ương cho phép thí điểm; Lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC trong phạm vi cấp tỉnh; Đã hoặc có

khả năng mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả triển khai nhiệm vụ CCHC của tỉnh.

- Nâng cao chất lượng, tính kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC của tỉnh. Phát huy tinh thần năng động, sáng tạo; gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng. Bố trí đủ nguồn lực cho công tác cải cách hành chính đạt hiệu quả.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại tỉnh

- Hoàn thiện thể chế pháp lý đối với công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật để cụ thể hóa quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) năm 2015 và Nghị định số 34/2015/NĐ-CP; tăng cường quán triệt, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức về vai trò, vị trí của công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật. Ban hành kịp thời kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; Thực hiện đầy đủ 03 hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật và theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực được giao quản lý, phụ trách.

- Tăng cường tuyên truyền phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của công chức, viên chức trong công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát VBQPPL, theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

- Tăng cường công tác kiểm tra tình hình thi hành pháp luật theo nội dung đã được xác định trong Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2018 trên địa bàn tỉnh Điện Biên và Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành hàng năm tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn.

- Đảm bảo 100% các vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý qua kết quả theo dõi thi hành pháp luật; kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; kết quả kiểm tra, xử lý văn bản QPPL.

- Nâng cao chất lượng văn bản QPPL do tỉnh ban hành: Mức độ phù hợp, tính khả thi, tính hiệu quả...

3. Cải cách thủ tục hành chính

- Thực hiện đúng quy định về ban hành thủ tục hành chính (TTHC) theo thẩm quyền.

- Thực hiện rà soát, đánh giá TTHC. Xử lý hoặc kiến nghị xử lý 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát.

- Thực hiện công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định (các quyết định công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh phải được ban hành chậm nhất trước 05 ngày làm việc tính đến ngày VBQPPL có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành; Trường hợp VBQPPL được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành thì quyết định công bố TTHC phải được ban hành chậm nhất là sau 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành VBQPPL có quy định về TTHC).

- Nhập, đăng tải công khai 100% TTHC vào Cơ sở dữ liệu Quốc gia sau khi công bố theo quy định (TTHC phải được nhập, đăng tải công khai vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố hoặc chậm nhất là 02 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố đối với các TTHC quy định trong VBQPPL được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành).

- 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC.

- 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại 3 cấp chính quyền của tỉnh được công khai trên Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh và Trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị (Cổng TTĐT của tỉnh phải công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 3 cấp chính quyền tại địa phương. Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh phải công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang TTĐT của đơn vị mình. Các đơn vị hành chính cấp huyện phải công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang TTĐT của đơn vị mình).

- 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh (sở, ban, ngành) được thực hiện theo cơ chế một cửa.

- 10/10 đơn vị hành chính cấp huyện có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa

- 130 đơn vị hành chính cấp xã có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa.

- Từ 20- 25 TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp.

- Trên 30 TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền.

- 100% hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn.

- Tổ chức thực hiện đầy đủ các hình thức, quy trình tiếp nhận phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về TTHC theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP, Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP; 100% phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trong năm.

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

- Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, các phòng chuyên môn cấp huyện bảo đảm đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

- Xây dựng đề án vị trí việc làm các cơ quan hành chính có cơ cấu lãnh đạo hợp lý theo hướng số lượng vị trí cấp phó không được vượt quá số lượng tối đa theo quy định đồng thời số lượng lãnh đạo của các tổ chức hành chính cấp phòng nhỏ hơn tổng số công chức trong phòng; thực hiện bổ nhiệm theo yêu cầu của vị trí việc làm đồng thời theo quy định về việc bổ nhiệm cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện không vượt quá số lượng tối đa theo quy định tại Nghị định 24/2014/NĐ-CP và Nghị định 37/2014/NĐ-CP về tổ chức cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện và các Thông tư hướng dẫn, Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện.

- Thực hiện Công văn số 403-CV/TU ngày 08/12/2017 của Tỉnh ủy, tạm dừng bổ nhiệm mới cấp phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở, ngành tỉnh và cấp huyện trong thời Trung ương đang nghiên cứu sửa đổi Nghị định 24/2014/NĐ-CP và Nghị định 37/2014/NĐ-CP về tổ chức cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện.

- Đẩy mạnh việc thực hiện đề tinh giản biên chế theo Kế hoạch số 2152/KH-UBND ngày 10/6/2015 của UBND tỉnh về việc triển khai tinh giản biên chế trong các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2021 và Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 11/11/2016 của UBND tỉnh về việc đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Triển khai Kế hoạch số 2682/KH-UBND ngày 27/6/2016 về việc triển khai Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên (giai đoạn 2016-2020). Đẩy mạnh việc thực hiện phân cấp quản lý cho UBND các huyện.

- Tuyển dụng bảo đảm quy trình, thủ tục quy định tại Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ Về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ Về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn và các Thông tư hướng dẫn thi hành.

- Tăng cường công khai minh bạch trong công tác tuyển dụng. Cơ quan, đơn vị đăng tải thông tin tuyển dụng trên các phương tiện thông tin đại chúng với tần suất nhiều hơn, sâu rộng hơn, đảm bảo thông tin về các kỳ tuyển dụng đến được các đối tượng cần tuyển. Trong quá trình tổ chức tuyển dụng thông tin thường xuyên, kịp thời hơn để thí sinh kịp thời nắm bắt kế hoạch, quy chế tuyển dụng, thông tin về kết quả tuyển, giải quyết khiếu nại, phúc khảo.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút những người có trình độ cao theo Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 quy định chính sách

hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức đi học và chính sách thu hút những người có trình độ cao trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Tổ chức kỳ thi đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ, khách quan và thực hiện theo đề án đã được phê duyệt, đảm bảo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

- Triển khai thực hiện xét thăng hạng viên chức sự nghiệp y tế theo đề án được UBND tỉnh phê duyệt. Triển khai thực hiện Kế hoạch số 3169/KH-UBND ngày 27/10/2017 của UBND tỉnh về việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2017-2018, dự kiến trong quý II/2018 thẩm định hồ sơ, hoàn thiện các thủ tục và tiến hành thi hoặc xét trong quý III/2018.

- Xây dựng đề án vị trí việc làm theo hướng cụ thể và chi tiết hơn bản mô tả công việc của các vị trí lãnh đạo quản lý trong cơ quan hành chính: làm rõ, cụ thể nhiệm vụ của từng vị trí, các tiêu chuẩn đánh giá thực hiện nhiệm vụ, khung năng lực để làm cơ sở cho việc tuyển chọn, sử dụng, đánh giá và bổ nhiệm cán bộ.

- Đổi mới công tác đánh giá cán bộ theo hướng tăng cường công khai, minh bạch, gắn kết quả đánh giá với thực tế trình độ, năng lực, đạo đức và kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ. Xây dựng và ban hành bộ tiêu chí về đánh giá cán bộ.

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành bộ tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo quản lý cấp trường, phó phòng cấp tỉnh cấp huyện. Kiểm tra chặt chẽ hơn về tiêu chuẩn điều kiện của các trường hợp bổ nhiệm theo các tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể của chức danh theo quy định của Đảng và Nhà nước. Rà soát đội ngũ lãnh đạo, quản lý, những trường hợp chưa đáp ứng được tiêu chuẩn chức danh đang đảm nhiệm bố trí cử đi đào tạo, bồi dưỡng, hoặc bố trí, sắp xếp công tác khác cho phù hợp, trong trường hợp không thể bố trí, sắp xếp công tác khác thì thực hiện tinh giản biên chế.

- Ban hành quy chế hoặc hướng dẫn đánh giá, phân loại công chức, viên chức được UBND tỉnh Điện Biên năm 2018 theo đúng quy định tại Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả hơn các phong trào thi đua yêu nước do Trung ương và tỉnh phát động gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05 của Bộ Chính trị về "Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước ở các cấp; Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Điện Biên.

- Triển khai thực hiện Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 15/7/2016 về việc ban hành kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Điện Biên

giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 26/7/2016 về việc Phê duyệt kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới của tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020 và những năm tiếp theo; Quyết định số 718/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 về việc Ban hành Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức xã, tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ; triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức viên chức năm 2018.

5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- 100% cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt. Các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh phải bố trí công chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí.

- 100% đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt gồm: Phê duyệt theo thẩm quyền hoặc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh mục vị trí việc làm; Hoàn thiện việc xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt; Bố trí viên chức đúng theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với từng vị trí.

- Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Việc tuyển dụng công chức tại các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh. Việc tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập (Chỉ tính đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh) phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức. Việc tổ chức thi nâng ngạch công chức theo thẩm quyền của tỉnh (hoặc được ủy quyền) phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức. Việc tổ chức thi, xét thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính. Việc bổ nhiệm phải tuân thủ đúng quy trình, tiêu chuẩn bằng cấp và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

- Cán bộ, công chức, viên chức trong toàn tỉnh chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính.

- Thực hiện hoàn thành 100% kế hoạch công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; từng bước nâng cao chất lượng cán bộ, công chức cấp xã; nâng cao tỉ lệ cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định.

6. Cải cách tài chính công

- Thực hiện đúng quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ.

- Tăng theo hàng năm (năm sau có thêm số đơn vị so với năm trước) số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh được giao tự chủ ở mức tự đảm bảo chi thường xuyên (không tính các trường hợp giao lại).

- 100% đơn vị sự nghiệp công thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm (chỉ tính đơn vị SNCL thuộc UBND tỉnh, thuộc CQCM cấp tỉnh đã triển khai thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính).

7. Hiện đại hóa hành chính

- Ban hành kịp thời và tổ chức thực hiện hoàn thành 100% Kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin.

- Xây dựng và triển khai kiến trúc chính quyền điện tử theo quy định của Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Triển khai thực hiện văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử đạt trên 90%.

- Thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản (từ cấp tỉnh đến cấp xã) đạt 100%.

- Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử: Hệ thống thông tin điện tử một cửa phải có đầu mối tập trung ở cấp tỉnh, kết nối liên thông tới cả 3 cấp chính quyền để theo dõi, cập nhật, thống kê, tổng hợp thông tin về tình hình, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của tất cả các sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã (tạm thời chưa tính các xã chưa có đường truyền Internet).

- Triển khai thực hiện cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ TTHC trong năm đạt trên 80%.

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC (giữa số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm) được xử lý trực tuyến mức độ 3 đạt trên 40%.

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC (giữa số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm) được xử lý trực tuyến mức độ 4 đạt trên 30%.

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 tại các Sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố; đồng thời, tổ chức tuyên truyền vận động người dân, tổ chức gửi hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả việc tiếp nhận hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục triển khai đối với các đơn vị chưa thực hiện áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, nhất là đơn vị hành chính cấp xã (phần đầu trên 30% đơn vị hành chính cấp xã công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008). Theo dõi, hướng dẫn các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo quy định

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan đầu mối được UBND tỉnh giao phụ trách công tác CCHC thuộc lĩnh vực ngành mình quản lý chủ động thực hiện nhiệm vụ công tác CCHC được phân công tại Văn bản số 787/UBND-KSTT ngày 04/4/2018 về việc phân công phụ trách, đầu mối Chỉ số CCHC tỉnh và gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính với kết quả điểm chỉ số CCHC của tỉnh và các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của Kế hoạch này. *(Có Phụ lục Kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ nâng cao Chỉ số CCHC cấp tỉnh năm 2018 kèm theo)*

2. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các cấp, các ngành triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ CCHC nói chung, giải pháp nâng cao Chỉ số CCHC nói riêng; theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ nâng cao Chỉ số CCHC.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các kế hoạch, văn bản đôn đốc, triển khai các nội dung về: Cải cách hành chính; kiểm tra công tác CCHC; cải cách tổ chức bộ máy hành chính; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các báo cáo về: Tình hình thực hiện kế hoạch CCHC; bố trí công chức, viên chức theo vị trí việc làm; kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức; kết quả tinh giản biên chế; kết quả đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; số lượng, chất lượng cán bộ, công chức cấp xã...

- Tham mưu UBND tỉnh phê duyệt: Bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm đối với công chức theo danh mục đã được Bộ Nội vụ phê duyệt; Quy định vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc đối với các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ.

- Tổng hợp các văn bản quy phạm pháp luật về tình hình phân cấp quản lý công vụ, cán bộ, công chức, viên chức; các văn bản liên quan đến công tác: Tuyển dụng công chức tại các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp

huyện, cấp xã; tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp; thi nâng ngạch ngạch công chức thuộc thẩm quyền của tỉnh; thi/xét thăng hạng viên chức; bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp sở và tương đương trong năm.

- Chủ trì tham mưu, là đầu mối hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp tài liệu kiểm chứng trong công tác chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính tỉnh.

- Phối hợp với cơ quan chủ trì thu thập đề tài sáng kiến, giải pháp, cách làm mới có ảnh hưởng đến CCHC trên địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ được phân công phụ trách. Tổng hợp các văn bản làm tài liệu kiểm chứng thuộc lĩnh vực, tiêu chí được UBND tỉnh phân công phụ trách.

3. Văn phòng UBND tỉnh

- Kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện hoàn thành tốt các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

- Chủ trì, phối hợp với các cấp, các ngành triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trong công tác cải cách thủ tục hành chính; thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; Ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh với nội dung trao đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử và thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản (từ cấp tỉnh đến cấp xã).

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về thủ tục hành chính theo quy định.

- Nhập, đăng tải, công khai TTHC vào Cơ sở dữ liệu Quốc gia về TTHC sau khi có Quyết định công bố.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc trình UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh ban hành các văn bản liên quan đến công tác CCHC của tỉnh theo quy định.

- Phối hợp với cơ quan chủ trì thu thập đề tài sáng kiến, giải pháp, cách làm mới có ảnh hưởng đến CCHC trên địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ được phân công phụ trách. Tổng hợp các văn bản làm tài liệu kiểm chứng thuộc lĩnh vực, tiêu chí được UBND tỉnh phân công phụ trách gửi Sở Nội vụ theo quy định.

4. Sở Tư pháp

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh ban hành các kế hoạch, các báo cáo định kỳ về xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (QPPL); các Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL hàng năm; kiểm tra, xử lý văn bản QPPL.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh và các nội dung nêu tại Kế hoạch.

- Đôn đốc, hướng dẫn các Sở, ngành thực hiện việc rà soát văn bản và gửi báo cáo kết quả rà soát văn bản thuộc phạm vi, lĩnh vực được giao phụ trách, quản lý; thực hiện xử lý các văn bản chồng chéo, mâu thuẫn, trái quy định của pháp luật để xử lý theo quy định sau khi đã thực hiện rà soát.

- Chủ trì xây dựng báo cáo kết quả công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện tốt công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo thẩm quyền đối với văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành; kịp thời thông báo và đề xuất hướng xử lý đối với những văn bản quy phạm pháp luật phát hiện sai sót.

- Đôn đốc, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc tự kiểm tra văn bản và gửi văn bản về Sở Tư pháp để kiểm tra theo thẩm quyền; gửi báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm tra văn bản theo quy định.

- Phối hợp với cơ quan chủ trì thu thập đề tài sáng kiến, giải pháp, cách làm mới có ảnh hưởng đến CCHC trên địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ được phân công phụ trách. Tổng hợp các văn bản làm tài liệu kiểm chứng thuộc lĩnh vực, tiêu chí được UBND tỉnh phân công phụ trách gửi Sở Nội vụ theo quy định.

5. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu thực hiện các nội dung cải cách tài chính công.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu việc bố trí kinh phí CCHC cho từng nhiệm vụ cụ thể tại Kế hoạch CCHC hàng năm của UBND tỉnh; Ưu tiên đầu tư các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm hoặc chưa đạt điểm tối đa.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, theo dõi các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện nội dung các tiêu chí, tiêu chí thành phần chấm điểm Chỉ số CCHC tỉnh được giao phụ trách.

- Tổng hợp gửi Sở Nội vụ các văn bản quy phạm pháp luật về tình hình phân cấp: Quản lý ngân sách nhà nước; kế hoạch kiểm tra về tình hình phân cấp quản lý về ngân sách nhà nước hàng năm.

- Xây dựng báo cáo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính (theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ); cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh (đảm bảo 100% số đơn vị đã triển khai và số lượng đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và tự đảm bảo một phần chi thường xuyên của năm sau phải cao hơn năm trước).

- Báo cáo UBND tỉnh kết quả kiểm tra tình hình phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hàng năm (đảm bảo thực hiện 100% kế hoạch và các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý).

- Phối hợp với cơ quan chủ trì thu thập tài sáng kiến, giải pháp, cách làm mới có ảnh hưởng đến CCHC trên địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ được phân công phụ trách. Tổng hợp các văn bản làm tài liệu kiểm chứng thuộc lĩnh vực, tiêu chí được UBND tỉnh phân công phụ trách gửi Sở Nội vụ theo quy định.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các kế hoạch: Tuyên truyền CCHC hàng năm; ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành báo cáo: Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC từng năm (có đánh giá mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC); kết quả ứng dụng CNTT.

- Phối hợp với cơ quan chủ trì thu thập tài sáng kiến, giải pháp, cách làm mới có ảnh hưởng đến CCHC trên địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ được phân công phụ trách. Tổng hợp các văn bản làm tài liệu kiểm chứng thuộc lĩnh vực, tiêu chí được UBND tỉnh phân công phụ trách gửi Sở Nội vụ theo quy định.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì tham mưu, hướng dẫn, đôn đốc triển khai thực hiện xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008.

- Đảm bảo 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện được áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008.

- Xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại UBND cấp xã, đảm bảo TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã được trên 30% UBND cấp xã áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008, trong đó 100% các xã, phường thuộc thành phố Điện Biên Phủ, thị xã Mường Lay và trên 50% xã thuộc huyện Điện Biên triển khai, thực hiện.

- Chủ trì thu thập tài sáng kiến, giải pháp, cách làm mới có ảnh hưởng đến CCHC trên địa bàn. Tổng hợp các văn bản làm tài liệu kiểm chứng thuộc lĩnh vực, tiêu chí được UBND tỉnh phân công phụ trách gửi Sở Nội vụ theo quy định.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra về tình hình quản lý đầu tư từng năm (đảm bảo kế hoạch có trên 30% cơ quan, đơn vị được kiểm tra và kế hoạch được ban hành quý IV của năm trước liền kề của năm kế hoạch).

- Báo cáo UBND tỉnh kết quả: Kiểm tra về tình hình phân cấp quản lý đầu tư trong năm; kết quả tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

- Tổng hợp gửi Sở Nội vụ các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành về tình hình phân cấp quản lý đầu tư (đối với đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ); kế hoạch kiểm tra về tình hình quản lý đầu tư từng năm (đảm bảo kế hoạch có trên 30% cơ quan, đơn vị được kiểm tra và kế hoạch đã được ban hành trong quý IV hàng năm).

- Xây dựng báo cáo, các văn bản làm tài liệu kiểm chứng thuộc lĩnh vực, tiêu chí được UBND tỉnh phân công phụ trách gửi Sở Nội vụ theo quy định.

9. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra về tình hình phân cấp quản lý đất đai, tài nguyên, tài sản nhà nước năm 2018 (đảm bảo kế hoạch có trên 30% cơ quan, đơn vị được kiểm tra).

- Báo cáo UBND tỉnh kết quả kiểm tra tình hình phân cấp quản lý đất đai hàng năm (đảm bảo thực hiện 100% kế hoạch và các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý).

- Tổng hợp gửi Sở Nội vụ các văn bản quy phạm pháp luật về tình hình phân cấp quản lý đất đai; kế hoạch kiểm tra về tình hình phân cấp quản lý đất đai hàng năm (đảm bảo kế hoạch có trên 30% cơ quan, đơn vị được kiểm tra).

10. Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong lĩnh vực Y tế, giáo dục và đào tạo; triển khai thực hiện nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ công trong ngành Y tế, Giáo dục; tham mưu cho UBND tỉnh triển khai thực hiện các phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ Y tế công, Giáo dục công.

11. Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Phối hợp với các sở, ban, ngành được phân công làm đầu mối phụ trách chủ trì triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính và Kế hoạch nâng cao Chỉ số cải cách hành chính tỉnh.

- Tăng cường công tác đôn đốc, kiểm tra và chịu trách nhiệm về chất lượng công tác cải cách hành chính, đặc biệt là kết quả cải cách TTHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

Trong quá trình triển khai thực hiện có những vấn đề phát sinh, khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để kịp thời giải quyết. /

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, KSTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH




Mùa A Sơn

PHỤ LỤC

KẾ HOẠCH, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NÂNG CAO CHỈ SỐ CCHC CẤP TỈNH NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 352 /KH-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên)

STT	 Mục tiêu kết quả nhiệm vụ/mục tiêu/điểm tối đa Chỉ số CCHC cấp tỉnh	Sản phẩm làm TLKC	Yêu cầu đối với TLKC	Thời gian hoàn thành mục tiêu hoặc TLKC	Cơ quan chủ trì/tổng hợp	Cơ quan phối hợp/nội dung phối hợp
1. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC						
1.1	Kế hoạch CCHC					
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC	Duy trì đạt điểm tối đa 0.5/0.5 điểm	Kế hoạch CCHC năm	Đúng tiến độ; đảm bảo đủ 06 nội dung; từng nhiệm vụ cụ thể, rõ trách nhiệm, chi tiết thời gian	Quý IV năm trước liền kề năm kế hoạch	Sở Nội vụ - Sở Tư pháp - Sở Tài chính - Văn phòng UBND tỉnh - Sở Thông tin và truyền thông - Sở Khoa học và Công nghệ - Sở Kế hoạch và đầu tư Xây dựng nội dung theo lĩnh vực phụ trách gửi Sở Nội vụ trước ngày 01/11

1.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC	- Hoàn thành 100%; Đạt điểm tối đa 1/1 điểm	1. Kế hoạch CCHC; 2. Báo cáo CCHC năm;	- Các sản phẩm, nhiệm vụ rõ ràng, đảm bảo đúng tiến độ	Báo cáo CCHC năm 10/12	Sở Nội vụ	- Sở Tư pháp - Sở Tài chính - Văn phòng UBND tỉnh - Sở Thông tin và truyền thông - Sở Khoa học và Công nghệ - Sở Kế hoạch và đầu tư... xây dựng nội dung theo lĩnh vực phụ trách gửi Sở Nội vụ trước ngày 01/12
1.2	<i>Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ</i>	Duy trì đạt điểm tối đa 1/1 điểm	Báo cáo CCHC quý, năm	Các báo cáo phải đáp ứng đầy đủ số lượng (quý, năm), nội dung và gửi đúng thời gian theo quy định của Văn phòng Chính phủ và của từng Bộ chủ quản	Theo chế độ báo cáo do Bộ chủ quản quy định	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến nội dung, số liệu chủ động xây dựng báo cáo gửi cơ quan tổng hợp trước 10 ngày so với ngày ban hành báo cáo
	Duy trì đạt điểm tối đa 0.5/0.5 điểm	Báo cáo năm về kiểm tra, rà soát VBQPPL	Sở Tư pháp				
	Duy trì đạt điểm tối đa 0.25/0.25 điểm	Báo cáo năm về theo dõi thi hành pháp luật	Sở Tư pháp				
	Duy trì đạt điểm tối đa 0.25/0.25 điểm	Báo cáo năm về đào tạo, bồi dưỡng CC, VC	Sở Nội vụ				
	Duy trì đạt điểm tối đa 1/1 điểm	Báo cáo quý, năm về kết quả ứng dụng CNTT	Sở Thông tin và Truyền thông				

1.3	Công tác kiểm tra CCHC						
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn (CQCM) cấp tỉnh và đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện được kiểm tra trong năm	- Kiểm tra trên 30% số cơ quan, đơn vị; - Duy trì đạt điểm tối đa 1/1 điểm	1. Kế hoạch kiểm tra CCHC; 2. Các thông báo kết luận kiểm tra 3. Biên bản kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra; 4. Công văn yêu cầu xử lý sau kiểm tra	1. Kiểm tra trên 30% CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện. 2. BB, KL, BC kiểm tra: Thể hiện đầy đủ số lượng đơn vị được kiểm tra; các vấn đề tồn tại phát hiện qua kiểm tra; yêu cầu, kiến nghị xử lý	1. KH Kiểm tra ban hành chậm nhất quý II; 2. TLKC sau kết thúc kiểm tra 15 ngày	1. Kế hoạch - Sở Nội vụ; 2. Các TLKC khác do Trưởng các đoàn kiểm tra	Các cơ quan trong BCĐ CCHC tỉnh xây dựng nội dung kiểm tra gửi Sở Nội vụ chậm nhất tháng 4
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	100% các vấn đề được xử lý hoặc kiến nghị xử lý 1/1 điểm	1. Các thông báo kết luận kiểm tra; 2. Các văn bản thể hiện nội dung đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua kiểm tra. 3. Báo cáo kết quả xử lý sau kiểm tra	100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý	Sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra	1. Sở Nội vụ tổng hợp; 2. Trưởng các đoàn kiểm tra báo cáo kết quả của đoàn mình gửi Sở Nội vụ	Trưởng các đoàn kiểm tra gửi Sở Nội vụ báo cáo kết quả xử lý để tổng hợp
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC						

1.4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC	- Thực hiện 100%; - Đạt điểm tối đa 0.5/0.5 điểm	- Kế hoạch tuyên truyền CCHC - Báo cáo CCHC định kỳ	- Kế hoạch tuyên truyền CCHC; - Các báo cáo CCHC định kỳ;	1. Kế hoạch chặn nhất trước ngày 30/12 của năm trước liền kề năm kế hoạch. 2. Báo cáo quý trước ngày 15 của tháng cuối quý và báo cáo năm trước ngày 10/12	1. Kế hoạch; Sở TT&TT 2. Báo cáo CCHC: Sở Nội vụ tổng hợp	- BC CCHC: Sở TTTT xây dựng nội dung, số liệu. Sở Nội vụ tổng hợp
1.4.2	Thực hiện các hình thức tuyên truyền CCHC	- Đủ 3 hình thức tuyên truyền và có hình thức khác; - Đạt điểm tối đa 0.5/0.5 điểm	1. KH Tuyên truyền CCHC 2. Các báo cáo CCHC định kỳ; 3. Cung cấp các đường link tới tin, bài, hình ảnh đã tuyên truyền về CCHC trên website.	-Đầy đủ số lượng báo cáo; - Đảm bảo đúng thời gian quy định; - Tuyên truyền đủ 3 hình thức và các hình thức khác		Sở TT&TT	Đài Phát thanh truyền hình tỉnh, Báo Điện Biên Phủ.....
1.5	Sáng kiến giải pháp trong cách hành	- 02 sáng kiến/giải pháp, cách làm mới; - Đạt điểm tối đa 1.5/ 1.5 điểm	- Các văn bản phê duyệt triển khai các giải pháp mới trong thực hiện các nội dung CCHC; Các văn bản công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)	-Các văn bản phê duyệt triển khai các giải pháp mới trong thực hiện các nội dung CCHC; - Các văn bản công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền	Trước ngày 15/1	- Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp	Các cơ quan phụ trách lĩnh vực thu thập, cung cấp Quyết định, văn bản ...của UBND tỉnh, TW

2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI TỈNH						
2.1	Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)						
2.1.1	Thực hiện các hoạt động về TDTHPL	- Đúng tiến độ, đảm bảo yêu cầu; - Đạt điểm tối đa 1/1 điểm	Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của tỉnh;	1. Kế hoạch TDTHPL 2. Báo cáo đảm bảo theo quy định của Bộ Tư pháp	Trước ngày 15/10/2018	Sở Tư pháp	Các Sở, ngành; UBND cấp huyện
2.1.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	- Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền; - Đạt điểm tối đa 1/1 điểm	1. Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của tỉnh; 2. Các văn bản xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Văn bản yêu cầu các cơ quan, đơn vị xử lý - Báo cáo kết quả xử lý	Sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra; xử lý hoặc kiến nghị xử lý	Sở Tư pháp	Các Sở, ngành; UBND cấp huyện
2.2	Xử lý VBQPPL sau rà soát	- Hoàn thành 100%; - Đạt 1,5/1,5 điểm	1. Báo cáo kết quả rà soát văn bản QPPL hàng năm. 2. Quyết định công bố VBQPPL hết hiệu lực năm 2018. 3. Văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế các văn bản đã rà soát (nếu có)	- Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát VBQPPL của tỉnh; - Các văn bản xử lý VBQPPL sau rà soát;	Ngày 31/01/2019	Sở Tư pháp chủ trì tổng hợp báo cáo; tham mưu Quyết định công bố hết hiệu lực.	Các Sở, ban, ngành tỉnh phối hợp; rà soát lĩnh vực được giao

2.3	<i>Xử lý văn bản trái pháp luật phát hiện qua kiểm tra</i>	Đạt điểm tối đa: 1,5/1,5 điểm	1. Báo cáo kết quả kiểm tra văn bản QPPL hàng năm. 2. Các thông báo kết quả kiểm tra văn bản QPPL theo thẩm quyền. 3. Các văn bản đính chính, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản đã được kiểm tra	Đảm bảo đúng thời hạn, nội dung và hình thức theo quy định.	31/01/2019	Sở Tư pháp chủ trì tổng hợp báo cáo; ban hành Thông báo kết quả kiểm tra VBQPPL theo thẩm quyền	Các Sở, ban, ngành tỉnh : UBND cấp huyện
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH						
3.1	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)						
3.1.1	Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền	Không có TTHC ban hành trái thẩm quyền; đạt 0.5/0.5 điểm.	Báo cáo công tác kiểm soát TTHC năm	Đảm bảo đúng thời hạn, nội dung và hình thức theo quy định.	Ngày 30/12/2018	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh
3.1.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	- 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý; -Đạt điểm tối đa 1/1 điểm.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC năm 2018; Các văn bản xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát.	Đảm bảo đúng thời hạn, nội dung và hình thức theo quy định.	Ngày 30/12/2018	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh
3.2	Công bố, công khai thủ tục hành chính						

3.2.1	Công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh	- Đầy đủ, kịp thời theo quy định; - Đạt điểm tối đa 0.5/0.5 điểm.	Báo cáo công tác kiểm soát TTHC năm 2018.	Đảm bảo đúng thời hạn, nội dung và hình thức theo quy định.	Ngày 30/12/2018	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh
3.2.2	Nhập, đăng tải công khai TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố	- Đầy đủ, kịp thời theo quy định; - Đạt điểm tối đa 1/1 điểm.	Báo cáo công tác kiểm soát TTHC năm 2018.	Đảm bảo đúng thời hạn, nội dung và hình thức theo quy định.	Ngày 30/12/2018	Văn phòng UBND tỉnh	
3.2.3	Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh và ĐVHC cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC	- 100% số cơ quan, đơn vị công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC; - Đạt điểm tối đa 1/1 điểm.	Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh.	Đảm bảo đúng thời hạn, nội dung và hình thức theo quy định.	Ngày 30/12/2018	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện.
3.2.4	Công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh và Trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị	- 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại 3 cấp chính quyền của tỉnh được công khai trên	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh hoặc Báo cáo CCHC năm của ; - Kết quả kiểm tra trực tiếp tại Cổng/Trang TTĐT	Đảm bảo đúng thời hạn, nội dung và hình thức theo quy định.	Báo cáo quý trước ngày 20 của tháng cuối quý và báo cáo năm trước ngày 15/1	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp báo cáo	Sở TT&TT phối hợp cung cấp về nội dung số liệu.

		Công TTĐT của tỉnh; 100% số CQCM cấp tỉnh và 100% số ĐVHC cấp huyện công khai đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang TTĐT của đơn vị mình; - Đạt điểm tối đa 1.5 điểm.	của các cơ quan, đơn vị.				
3.3 Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông							
3.3.1	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh (sở, ban, ngành) được thực hiện theo cơ chế một cửa	- 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh được thực hiện theo cơ chế một cửa; - Đạt điểm tối đa 1/1 điểm	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh hoặc Báo cáo CCHC năm của tỉnh;	Đảm bảo đúng thời hạn, nội dung và hình thức theo quy định.	Ngày 30/12/2018	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh
3.3.2	Tỷ lệ ĐVHC cấp huyện có 100% số	- 10/10 UBND cấp huyện; - Đạt điểm tối đa	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh hoặc Báo	Đảm bảo đúng thời hạn, nội dung và hình	Ngày 30/12/2018	Văn phòng UBND tỉnh	UBND cấp huyện

	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa	1/1 điểm	cáo CCHC năm của tỉnh;	thứ theo quy định.			
3.3.3	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa	130/130 UBND cấp xã; Đạt điểm tối đa 1/1 điểm	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh hoặc Báo cáo CCHC năm của tỉnh;	Đảm bảo đúng thời hạn, nội dung và hình thức theo quy định.	Ngày 30/12/2018	Văn phòng UBND tỉnh	UBND cấp huyện
3.3.4	Số TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	- Từ 20 TTHC trở lên; - Đạt điểm tối đa 1/1 điểm	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh hoặc Báo cáo CCHC năm của tỉnh	Đảm bảo đúng thời hạn, nội dung và hình thức theo quy định.	Ngày 30/12/2018	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện
3.3.5	Số TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	- Từ 30 TTHC trở lên; - Đạt điểm tối đa 1/1 điểm	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh hoặc Báo cáo CCHC năm của tỉnh	Đảm bảo đúng thời hạn, nội dung và hình thức theo quy định.	Ngày 30/12/2018	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã

3.4	Kết quả giải quyết TTHC						
3.4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	- 100% TTHC giải quyết đúng hạn; - Đạt điểm tối đa 1/1 điểm	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh hoặc Báo cáo CCHC năm của tỉnh	Đảm bảo đúng thời hạn, nội dung và hình thức theo quy định.	Ngày 30/12/2018	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành
3.4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	- 100% TTHC giải quyết đúng hạn;; - Đạt điểm tối đa 1/1 điểm	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh hoặc Báo cáo CCHC năm của tỉnh	Đảm bảo đúng thời hạn, nội dung và hình thức theo quy định.	Ngày 30/12/2018	Văn phòng UBND tỉnh	UBND cấp huyện
3.4.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	- 100% TTHC giải quyết đúng hạn;; - Đạt điểm tối đa 1/1 điểm	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của tỉnh hoặc Báo cáo CCHC năm của tỉnh	Đảm bảo đúng thời hạn, nội dung và hình thức theo quy định.	Ngày 30/12/2018	Văn phòng UBND tỉnh	UBND cấp huyện, UBND cấp xã
3.5	Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh						
3.5.1	Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ	- Thực hiện đúng quy định; - Đạt điểm tối đa 0.5/0.5 điểm.	Báo cáo đúng thời hạn, nội dung và hình thức theo quy định.	Đảm bảo đúng thời hạn, nội dung và hình thức theo quy	Ngày 30/12/2018	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh

	chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh			định.			
3.5.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	- 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý; - Đạt điểm tối đa 1/1 điểm.	Báo cáo đảm bảo đúng thời hạn, nội dung và hình thức theo quy định.	Đảm bảo đúng thời hạn, nội dung và hình thức theo quy định.	Ngày 30/12/2018	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH						
4.1	Thực hiện quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy						
4.1.1	Sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh và UBND các cấp huyện	- Đúng theo quy định; - Đạt điểm tối đa 1/1 điểm	- Các Chương trình, Kế hoạch, văn bản triển khai của tỉnh - Báo cáo CCHC năm của tỉnh hoặc báo cáo chuyên đề đánh giá kết quả thực hiện công tác sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy trên địa bàn tỉnh.	Đảm bảo đúng tiến độ, nội dung và thời hạn theo quy định	Trước ngày 15/01/2019	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện
4.1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh	- Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh và báo cáo của các cơ quan, đơn	Báo cáo CCHC năm của tỉnh hoặc báo cáo thống kê về số lượng cấp	Đúng thời gian yêu cầu, thể hiện rõ nội dung cơ cấu số lượng	Quý IV năm 2018	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện

	đạo tại các cơ quan hành chính	vị về thực hiện theo quy định; - Đạt điểm tối đa 1,5/1,5 điểm.	phó	lãnh đạo các cơ quan hành chính			
4.2	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao						
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	Đúng theo quy định, đạt điểm tối đa 1/1 điểm	Quyết định giao biên chế công chức hành chính năm 2018 của tỉnh; Báo cáo CCHC năm của tỉnh hoặc báo cáo tổng kê về tình hình, kết quả quản lý, sử dụng biên chế công chức trong năm đánh giá	Đảm bảo đúng thời hạn, nội dung và hình thức theo quy định	Trước ngày 15/01/2019	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện
4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh	Đúng theo quy định, đạt điểm tối đa 1/1 điểm	Quyết định giao số lượng người làm việc của UBND tỉnh năm 2018; Báo cáo CCHC năm của tỉnh hoặc báo cáo tổng kê về tình hình, kết quả quản lý, sử dụng biên chế viên chức trong năm đánh giá	Đảm bảo đúng thời hạn, nội dung và hình thức theo quy định	Trước ngày 15/01/2019	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý						

4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý	- Các cơ quan chuyên môn đẩy mạnh thực hiện phân cấp quản lý cho cấp huyện, cấp xã, tham mưu UBND tỉnh ban hành các quy định về phân cấp. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý tất cả các vấn đề phát hiện qua thanh, kiểm tra; - Đạt điểm tối đa 0.5/0.5 điểm	- Báo cáo CCHC năm của tỉnh hoặc báo cáo kết quả kiểm tra đánh giá về tình hình thực hiện phân cấp quản lý nhà nước kèm các thông báo kết luận kiểm tra, VB xử lý sau kiểm tra	Đúng thời gian yêu cầu, thể hiện rõ nội dung về thực hiện các quy định của NN về phân cấp quản lý	Quý IV năm 2018	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã	- Kiểm tra trên 30% số cơ quan, đơn vị; - Đạt điểm tối đa 0.5/0.5 điểm	- Kế hoạch kiểm tra CCHC; - Các thông báo kết luận kiểm tra/ Biên bản kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra; - Công văn yêu cầu xử lý; Báo cáo kết quả xử lý	Báo cáo CCHC năm của tỉnh hoặc báo cáo kết quả kiểm tra đánh giá về tình hình thực hiện phân cấp quản lý nhà nước	Quý IV năm 2018	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	- 100% các vấn đề được xử lý hoặc kiến nghị xử lý;	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	- 100% các vấn đề được xử lý hoặc kiến nghị xử lý;	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện	- 100% các vấn đề được xử lý hoặc kiến nghị xử	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra

		- Đạt điểm tối đa 1/1 điểm		- Đạt điểm tối đa 1/1 điểm	qua kiểm tra	lý; - Đạt điểm tối đa 1/1 điểm	
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC						
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm						
5.1.1	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	- 100% đúng quy định; - Đạt điểm tối đa 1/1 điểm	- Báo cáo CCHC năm của tỉnh; - Gửi đại diện Ban mô tả công việc, Khung năng lực của ít nhất 05 vị trí việc làm khác nhau (Bộ Nội vụ có thể yêu cầu gửi thêm khi cần thiết)	Đúng thời gian yêu cầu, thể hiện rõ nội dung về thực hiện các yêu cầu	Trước ngày 15/01/2019	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	- 100% đúng quy định; - Đạt điểm tối đa 1/1 điểm	- Báo cáo CCHC năm của tỉnh; Quyết định phê duyệt danh mục VTVL trong các đơn vị sự nghiệp công lập; - Gửi đại diện Ban mô tả công việc, Khung năng lực của ít nhất 05 vị trí việc làm khác nhau (Bộ Nội vụ có thể yêu cầu gửi thêm	Đúng thời gian yêu cầu, thể hiện rõ nội dung về thực hiện các yêu cầu	Trước ngày 15/01/2019	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện

		khi cần thiết)					
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức						
5.2.1	TCIP 5.2.1 - Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện, cấp xã	- Tất cả các cơ quan, đơn vị thực hiện tuyển dụng đúng quy trình, đảm bảo biên chế giao và kế hoạch thực hiện tinh giản biên chế; - Đạt điểm tối đa 0.5/0.5 điểm	Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng hoặc báo cáo thống kê, tổng hợp của tỉnh về tình hình tổ chức triển khai và kết quả tuyển dụng viên chức.	Đúng thời gian yêu cầu, thể hiện rõ nội dung về thực hiện các quy định của NN về tuyển dụng	Quý IV năm 2018	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	- Tất cả các cơ quan, đơn vị thực hiện tuyển dụng đúng quy trình, đảm bảo biên chế giao và kế hoạch thực hiện tinh giản biên chế; - Đạt điểm tối đa 0.5/0.5 điểm	Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (thông báo tuyển dụng, quyết định thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả tuyển dụng...) hoặc báo cáo thống kê, tổng hợp của tỉnh về tình hình tổ chức triển khai và kết quả tuyển dụng công chức.	Đúng thời gian yêu cầu, thể hiện rõ nội dung về thực hiện các quy định của NN về tuyển dụng	Quý IV năm 2018	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện
5.3	Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh						

5.3.1	Thi nâng ngạch công chức theo thẩm quyền của tỉnh	Kỳ thi nâng ngạch công chức được tổ chức đúng quy định, theo phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (0.5/0.5 điểm)	Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ thi nâng ngạch hoặc báo cáo tổng kê, tổng hợp của tỉnh về tình hình tổ chức triển khai và kết quả thi nâng ngạch.	Đúng thời gian yêu cầu, nội dung thể hiện rõ quy trình thi nâng ngạch đã thực hiện và kết quả đạt được	Quý IV năm 2018	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện
5.3.2	Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức	Kỳ thi/xét thăng hạng viên chức được tổ chức đúng quy định, theo phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (0.5/0.5 điểm)	Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ thi hoặc xétthăng hạng hoặc báo cáo tổng kê, tổng hợp của tỉnh về tình hình tổ chức triển khai và kết quả thi/xét thăng hạng	Đúng thời gian yêu cầu, nội dung thể hiện rõ quy trình thi/xét thăng hạng chức danh đã thực hiện và kết quả đạt được	Quý IV năm 2018	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện
5.4	Thực hiện quy định về bổ nhiệm lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	- Tất cả các trường hợp bổ nhiệm được thực hiện theo quy trình, đúng tiêu chuẩn điều kiện, đúng quy định; - Đạt điểm tối đa 3/3 điểm	Các quyết định bổ nhiệm; Thống kê danh sách bổ nhiệm trong năm; Báo cáo đánh giá kết quả việc bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý trong năm	Đúng thời gian yêu cầu, nội dung thể hiện rõ số lượng, quy trình bổ nhiệm thực hiện	Quý IV năm 2018	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện
5.5	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức						

5.5.1	Thực hiện quy định về đánh giá phân loại CCVC	- Thực hiện đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ; - Đạt điểm tối đa 0,5/0,5 điểm	VB triển khai đánh giá, phân loại CCVC của tỉnh; Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức của tỉnh;	Đúng thời gian, nội dung yêu cầu	Quý IV năm 2018	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện
5.5.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	0/0,5 điểm	Báo cáo CCHC năm của tỉnh hoặc báo cáo về tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trong năm	Đúng thời gian, nội dung yêu cầu	Quý IV năm 2018	Sở Nội vụ	UBND cấp huyện
5.6	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo bồi dưỡng CBCCVC	- Hoàn thành 100% kế hoạch đào tạo bồi dưỡng; - Đạt điểm tối đa 1/1 điểm	Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của tỉnh.	Đúng thời gian, nội dung yêu cầu	Quý IV năm 2018	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện
5.7	Cán bộ, công chức cấp xã						
5.7.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	Tiếp tục duy trì điểm tối đa (0.5/0,5 điểm) đồng thời tiếp tục	Báo cáo CCHC hoặc biểu tổng hợp số lượng, chất lượng đội ngũ công	Đúng thời gian yêu cầu, thể hiện rõ nội dung đạt chuẩn về	Quý IV năm 2018	Sở Nội vụ	UBND các huyện, thị xã, thành phố

		nâng cao chất lượng đội ngũ công chức cấp xã từ trình độ chuyên môn trung cấp lên trình độ cao đẳng, đại học.	chức cấp xã năm 2018	trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ công chức cấp xã			
5.7.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	Tiếp tục nâng cao tỷ lệ cán bộ cấp xã đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ từ trung cấp trở lên (0,25/0,5 điểm)	Báo cáo CCHC hoặc biểu tổng hợp số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ cấp xã năm 2018	Đúng thời gian yêu cầu, thể hiện rõ nội dung đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ cấp xã	Quý IV năm 2018	Sở Nội vụ	UBND các huyện, thị xã, thành phố
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG						
6.1	<i>Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính</i>	- Thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ. - Đạt điểm tối đa 1/1 điểm	Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tại các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh	Đúng thời gian yêu cầu, đảm bảo nội dung rõ ràng, đầy đủ	Quý IV năm 2018	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện
6.2	<i>Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) thuộc tỉnh</i>						

6.2.1	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	- Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên năm sau cao hơn năm trước ; - Đạt điểm tối đa 1/1 điểm	- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của tỉnh; - Các văn bản giao tự chủ tài chính;	Đúng thời gian yêu cầu, đảm bảo nội dung rõ ràng, đầy đủ	Quý IV năm 2018	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện
6.2.2	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	- Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên năm sau cao hơn năm trước; - Đạt điểm tối đa 1/1 điểm	- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh; - Các văn bản giao tự chủ tài chính;	Đúng thời gian yêu cầu, đảm bảo nội dung rõ ràng, đầy đủ	Quý IV năm 2018	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện
6.2.3	Tỷ lệ đơn vị SNCL thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm	- 100% số đơn vị SNCL thực hiện đúng quy định về phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm - Đạt điểm tối đa 1/1 điểm	Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh	Đúng thời gian yêu cầu, đảm bảo nội dung rõ ràng, đầy đủ	Quý IV năm 2018	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH						
7.1	<i>Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của tỉnh</i>						

7.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT	Đạt điểm tối đa 1/1 điểm	- Báo cáo kết quả UDCNTT của tỉnh; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Thông tin và Truyền thông (do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp).	- Kế hoạch đúng tiến độ, đảm bảo cụ thể, xác định rõ kết quả sản phẩm đầu ra.../ - Báo cáo thể hiện rõ mức độ đã hoàn thành.	- Kế hoạch xây dựng trước 30/12 của năm liền kề với năm kế hoạch - Báo cáo định kỳ về kết quả ứng dụng CNTT báo cáo quý I, trước ngày 10/3; quý II, trước ngày 10/6; quý III, trước ngày 10/9; năm, trước ngày 05/12.	1. Kế hoạch: Sở TT&TT 2. Báo cáo Sở TT&TT, Sở Nội vụ tổng hợp	BC sở TT&TT xây dựng nội dung, số liệu. Sở Nội vụ tổng hợp
7.1.2	Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh	- Ban hành Kiến trúc và tổ chức triển khai, duy trì theo quy định; - Đạt điểm tối đa 0.5/0.5 điểm	- Báo cáo kết quả UDCNTT của tỉnh; Các văn bản, quyết định... triển khai	Đảm bảo đúng thời hạn, nội dung và hình thức theo quy định.	Quý IV năm 2018	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh
7.1.3	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính	- Thực hiện 60% - dưới 90% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành	Báo cáo kết quả ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh.	Đảm bảo đúng thời hạn, nội dung và hình thức theo quy	Quý IV năm 2018	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các

	nhà nước dưới dạng điện tử	chính nhà nước dưới dạng điện tử; - Đạt từ 0,5 đến 1 điểm.		định.			huyện, thị xã, thành phố.
7.1.4	Thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản (từ cấp tỉnh đến cấp xã)	- Thực hiện liên thông từ cấp tỉnh đến 100% cấp xã; - Đạt điểm tối đa 1/1 điểm.	Báo cáo kết quả ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh.	Đảm bảo đúng thời hạn, nội dung và hình thức theo quy định.	Quý IV năm 2018	Văn phòng UBND tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn.
7.1.5	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử	- Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh đã kết nối liên thông tới 100% số sở, ngành cấp tỉnh, 100% UBND cấp huyện và một số đơn vị cấp xã; - Đạt từ 0.5 đến 1 điểm	- Báo cáo kết quả UDCNTT của tỉnh;	Đảm bảo đúng thời hạn, nội dung và hình thức theo quy định.	Quý IV năm 2018	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến						
7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ	- Từ 60% trở lên; - Đạt 0.25 đến 0.5 điểm	Báo cáo kết quả UDCNTT của tỉnh	Đảm bảo đúng thời hạn, nội dung và hình thức theo quy định.	- Báo cáo định kỳ về kết quả ứng dụng CNTT báo cáo quý	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện

	trong năm				I, trước ngày 10/3; quý II, trước ngày 10/6; quý III, trước ngày 10/9; năm, trước ngày 05/12.		
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3	- Từ 20% trở lên; - Đạt từ 0.5 đến 1 điểm	Báo cáo kết quả UDCNTT của tỉnh	Đảm bảo đúng thời hạn, nội dung và hình thức theo quy định.	- Báo cáo định kỳ về kết quả ứng dụng CNTT báo cáo quý I, trước ngày 10/3; quý II, trước ngày 10/6; quý III, trước ngày 10/9; năm, trước ngày 05/12.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện
7.2.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4	- Từ 10%-30% TTHC; - Đạt từ 0.5 đến 1 điểm	- Báo cáo kết quả UDCNTT của tỉnh;	Đảm bảo đúng thời hạn, nội dung và hình thức theo quy định.	Quý IV năm 2018	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện
7.3	<i>Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)</i>						

7.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê danh mục TTHC đã triển khai qua dịch vụ BCCI và tính tỷ lệ % giữa số TTHC có phát sinh hồ sơ. - Từ 70% trở lên đạt điểm tối đa 0.5/0.5 điểm 	Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-TTg của tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-TTg của tỉnh; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Thông tin và Truyền thông (do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp). 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kế hoạch: 30/12 của năm trước liên kế năm kế hoạch. 2. Báo cáo quý trước ngày 15 của tháng cuối quý; báo cáo 6 tháng trước ngày 15/7 và báo cáo năm trước ngày 10/12 	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở TT&TT xây dựng nội dung báo cáo, Bưu chính cung cấp số liệu
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	<ul style="list-style-type: none"> - Đạt từ 5% trở lên; - Đạt điểm từ 0.5 đến 1 điểm 	Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-TTg của tỉnh	Báo cáo thực hiện Quyết định thể hiện rõ số TTHC đã triển khai thực hiện tiếp nhận qua dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ/số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm của các TTHC có phát sinh hồ sơ.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Kế hoạch: 30/12 của năm trước liên kế năm kế hoạch. 2. Báo cáo quý trước ngày 15 của tháng cuối quý; báo cáo 6 tháng trước ngày 15/7 và báo cáo năm trước ngày 	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở TT&TT xây dựng nội dung báo cáo, Bưu chính cung cấp số liệu

					10/12		
7.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	Đạt từ 0.5 đến 1 điểm	Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-TTg của tỉnh	- Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-TTg của tỉnh; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Thông tin và Truyền thông (do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp).	1. Kế hoạch: 30/12 của năm trước liền kề năm kế hoạch. 2. Báo cáo quý trước ngày 15 của tháng cuối quý; báo cáo 6 tháng trước ngày 15/7 và báo cáo năm trước ngày 10/12	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở TT&TT xây dựng nội dung báo cáo, Bưu chính cung cấp số liệu
7.4 Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định							
7.4.1	Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện công bố ISO 9001 theo quy định	- 100% hoàn thành, đạt điểm tối đa 0.5/0.5 điểm	Các quyết định công bố ISO hoặc báo tình hình xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn ISO 9001 trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2018 của UBND tỉnh.	Đảm bảo đúng thời hạn; các Quyết định, báo cáo đầy đủ nội dung và hình thức theo quy định.	01/12/2018	Sở KH&CN	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
7.4.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính	Trên 40% hoàn thành 0.5/ 1 điểm	Các quyết định công bố ISO hoặc báo tình	Đảm bảo đúng thời hạn; các	01/12/2018	Sở KH&CN	UBND các huyện, thị xã,

	cấp xã công bố ISO 9001 theo quy định		hình xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn ISO 9001 trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2018 của UBND tỉnh.	Quyết định, báo cáo đầy đủ nội dung và hình thức theo quy định.			thành phố
7.4.3	Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định	Đạt điểm tối đa 1/1 điểm	Báo cáo tình hình xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn ISO 9001 trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2018 của UBND tỉnh	Đảm bảo đúng thời hạn; các Quyết định, báo cáo đầy đủ nội dung và hình thức theo quy định.	01/12/2018	Sở KH&CN	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố